

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 11/01/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+PVD1+MRM	7:25	21+1+0	0+0+0		12+0+10	0+0+0	chuyen 1 pvd1-mrm
2		PPD+CLO	7:25	5+17	0+0		2+20	0+0	
3		P8+P4+P6	7:25	10+12+0	0+0		8+13+1	0+0	
4		T.UNG+RP1	7:25	16+0	0+0		15+4	0+0	
5		BK9+RP3	9:25	4+18	0+0		2+20	0+0	
6		BK16+GTC1+MRM	9:25	2+0+18	0+0+0		0+2+20	0+0+0	
7		TD5+PPD	9:25	3+19	0+0		0+22	0+0	
8		CTK3+TD2	11:25	8+13	0+0		7+15	0+0	
9		CTK3+BK20+RP3	11:25	22+0+0	0+0+0		13+2+7	0+0+0	
10		P4+AMD+HSD	11:25	12+8+2	0+0+0		12+6+4	0+0+0	
11		TGTH4+AMD+TGTH1	11:25	3+8+4	0+0+0		2+9+8	0+0+0	chuyen 3 h4-amd
12		MRM+BK9+P8	13:25	7+7+2	0+0+0		7+8+7	0+0+0	
13		CTK3+BK14	13:25	10+6	0+0		15+7	0+0	chuyen 1 ctk3-bk14
14		PPD	13:25	18	0		22	0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/Đi về trong ngày P4-3ng, PPD-2ng, RP3-2ng, BK9-3ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/01/2023	TO: TD1 - PVD1 - MRM	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:31
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: HUNG - KHOAN - MUÂN	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ NHẬT TUÂN	TD1	95	1	5		70	D-HANH	Vietnamese
2	HOANG VAN NAM	TD1	75	1	15		68	KHOAN	Vietnamese
3	HOANG ANH TUÂN	TD1	80	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐĂNG LAM	TD1	90	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN MINH HOANG	TD1	93	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN LANG	TD1	91	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ QUỐC BAO	TD1	96	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
8	ĐÌNH VĂN TRỌNG	TD1	97	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
9	BUI XUÂN KHOA	TD1	83-84	2	13		60	KHOAN	Vietnamese
10	MAI ANH TUÂN	TD1	94	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
11	SHCHERBAKOV MAXIM	TD1	79	1	7		100	KHOAN	Russian
12	NGUYỄN HỮU LONG	TD1	92	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ TRỌNG LƯỢNG	TD1	86	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
14	ĐÌNH XUÂN HÒA	TD1	85	1	6		63	KHOAN	Vietnamese
15	DƯƠNG MẠNH QUYẾT	TD1	88	1	15		70	PVDWS	Vietnamese
16	CAO XUÂN VINH	TD1	89	1	10		82	PVDWS	Vietnamese
17	ПЕРЕКРЕСТОВ П.Б. ROZGON	TD1	98	1	7		109	D-HANH	Russian
18	ПОЗІТОВ А.І. PAKHMATJLIN	TD1	97	1	7		90	D-HANH	Russian
19	ПАХМАТУЛЛИН П.С. J	TD1	78	1	10		80	D-HANH	Russian
20	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	TD1	76-77	2	18		70	SCHLUMBE	Vietnamese
21	VŨ ANH HIỆU	TD1	81-82	2	18		55	SCHLUMBE	Vietnamese
22	NGUYỄN CHÍ LINH	PVD1	32	1	10		80	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	21	24	168	1.550	0	12		CHUYEN 01 PAX TU PVD1 SANG MRM
2	PVD1	1	1	10	80	0	0	+1	
3	MRM	0	0	0	0	0	10		
TOTAL		22	25	178	1.630	0	22		
WEIGHT KG				178	1.630	0			

GRAND TOAL: 1.808 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/01/2023	TO: PPD - CLO	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: ĐỨC - NPhú - TDUNG	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LAM QUANG NAM	PPD	29	1	5		78	KHI	Vietnamese
2	NGUYEN MINH VIEN	PPD	28,30	2	12	40	74	KHI	Vietnamese
3	NGUYEN ANH PHONG	PPD				30	78	KHI	Vietnamese
4	ĐẶNG THỊ KIM TUYEN	PPD					60	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN DANG HUY	PPD	31	1	4		78	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN VAN TRUNG	CLO					81	KHOAN	Vietnamese
7	LE VAN LY	CLO	98	1	8		63	KHOAN	Vietnamese
8	VOROBYEV SERGEY	CLO	81-82	2	10		99	KHOAN	Russian
9	VŨ THÈ NANG	CLO	97	1	6		61	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ VAN LONG	CLO	99	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN TRUNG CUONG	CLO	91-92	2	13		78	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM NAM HAI	CLO	83-85	3	15		70	KHOAN	Vietnamese
13	VLASOV ALEKSANDR	CLO	93	1	13		90	KHOAN	Russian
14	ZHDANOV VLADIMIR	CLO	87	1	20		127	KHOAN	Russian
15	NGUYEN TUONG LONG	CLO	86	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
16	ĐẶNG KIM DUONG	CLO	900	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
17	VŨ TOAN THANG	CLO	96	1	12		76	KHOAN	Vietnamese
18	PHẠM ĐÌNH BAO	CLO	94	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
19	VŨ ANH TUAN	CLO	95	1	8		69	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYEN VU HUNG	CLO	88-89	2	20		87	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYEN BA HUNG	CLO	92	1	10		80	DVL	Vietnamese
22	NGÔ TRI HOANG	CLO	79-80	2	20		63	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	5	4	21	368	70	2		
2	CLO	17	22	177	1.335	0	20		
TOTAL		22	26	198	1.703	70	22		
WEIGHT KG				198	1.703	70			

GRAND TOAL: 1.971 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/01/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	TO: P8 - P4 - P6	CREW: TUYỀN - VThắng - HIẾU - Tú	ETA: 09:25
CAM-1			

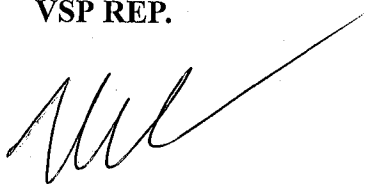
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUU TRUONG GIANG	P8	05	1	6	40	70	APAVE	Vietnamese
2	FIRSOV EVGENII	P8	09-10	2	10		100	KHOAN	Russian
3	NGUYEN VAN TRUONG	P8	12-13	2	11		83	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN THAI DUONG	P8	11	1	11		51	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN MANH TINH	P8	03	1	12		70	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN TRONG TUAN	P8	02	1	11		68	KHOAN	Vietnamese
7	DO VAN PHAN	P8	08	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN CONG HOAN	P8	06	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
9	NGO HONG GIANG	P8	07	1	12		72	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN XUAN QUANG	P8	04	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
11	ZHURBIN N.B	P4	20	1	7		93	KHI	Russian
12	HUYNH VAN HOANG	P4				40	70	KHI	Vietnamese
13	PHAM THU HUYEN	P4					56	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN BACH DUONG	P4	18-19	2	10		73	KHI	Vietnamese
15	PHAM VAN QUYEN	P4	11-12	2	13		75	KHI	Vietnamese
16	HOANG VAN HUNG	P4					75	KHI	Vietnamese
17	LE VAN HUONG	P4	17	1	5	10	70	KHI	Vietnamese
18	PHAN HONG TAM	P4	21-22	2	12		56	KHI	Vietnamese
19	NGUYEN VAN THINH	P4	15-16	2	10		75	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN CONG KHANH	P4					80	DK9	Vietnamese
21	NGUYEN QUANG TAN	P6	74	1	5	40	60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

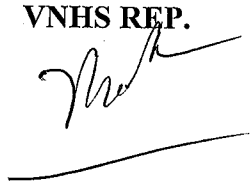
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	10	12	89	737	40	8		
2	P4	10	10	57	723	50	13		
3	P6	1	1	5	60	40	1		
TOTAL		21	23	151	1.520	130	22		
WEIGHT KG				151	1.520	130			

GRAND TOAL: 1.801 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/01/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 614	ETD: 07:30
FLIGHT: 04	TO: T.UNG - RP1	CREW: NKính - TRƯỜNG	ETA: 10:50
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN DUY TUÂN	T.UNG	86	1	9		80	PVEP ITC	Vietnamese
2	HUYNH HIẾU NGHĨA	T.UNG	90	1	10		78	PVEP ITC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH QUỐC BẢO	T.UNG	74	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
4	MAKSIMOV D.S	T.UNG	92	1	9		105	KH-THAC	Russian
5	PHẠM QUANG QUY	T.UNG	77-78	2	5		60	KH-THAC	Vietnamese
6	DUƠNG VĂN MẠNH	T.UNG	81-82	2	6		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN BẠC	T.UNG	83	1	4		56	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐÌNH TUÂN	T.UNG	75-76	2	12		55	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN XUÂN THUY	T.UNG	87	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH BẠC	T.UNG	85	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ DUY ĐỨC	T.UNG	72-73	2	9		60	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ THANH TÙNG	T.UNG	79-80	2	10		84	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN HẢI	T.UNG	91	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
14	HOÀNG ANH MINH	T.UNG	84	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ ĐỨC HÙNG	T.UNG	70-71	2	18		97	T-TIN	Vietnamese
16	PHẠM VĂN LƯU	T.UNG	88-89	2	7		63	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	16	23	125	1.145	0	15		
2	RP1	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		16	23	125	1.145	0	19		
WEIGHT KG				125	1.145	0			

GRAND TOAL: 1.270 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/01/2023	TO: BK9 - RP3	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: ĐỨC - NPhú - TDUNG	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU MINH PHƯƠNG	BK9	07	1	5	40	70	KH-THAC	Vietnamese
2	PHƯƠNG THỊ THANH ĐỨC	BK9	05	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
3	IUSUPOV	BK9	06	1	3		70	KH-THAC	Russian
4	NGUYỄN HOANG AN	BK9	08	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
5	DUBOV A.V	RP3	01	1	6	30	97	KH-THAC	Russian
6	BUI VĂN HUNG	RP3					75	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH PHONG	RP3					100	KHI	Vietnamese
8	TRẦN THỊ KIM LINH	RP3					50	KHI	Vietnamese
9	TRẦN VIỆT QUANG	RP3	15	1	5	47	78	KHI	Vietnamese
10	LÊ NHƯ NGUYỄN	RP3	08-09	2	10		60	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN TÂN	RP3					67	KHI	Vietnamese
12	LANH TRUNG ĐÔNG	RP3	10	1	5		70	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC ANH	RP3	07	1	5		68	KHI	Vietnamese
14	ĐO VIỆT LONG	RP3	02-03	2	10		60	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	RP3	04	1	10		100	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYỄN TRUNG KIẾN	RP3	11	1	10		70	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH HÀ	RP3	12	1	5		81	KHI	Vietnamese
18	PHẠM DUY DUNG	RP3					75	KHI	Vietnamese
19	NGO THANH LAM	RP3	13-14	2	8		70	KHI	Vietnamese
20	TRẦN VĂN MINH	RP3	06	1	10		85	YTE	Vietnamese
21	PHẠM NGỌC CHI	RP3	05	1	2		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK9	4	4	20	277	40	2		
2	RP3	17	15	86	1.266	77	20		
TOTAL		21	19	106	1.543	117	22		
WEIGHT KG				106	1.543	117			

GRAND TOAL: 1.766 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/01/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 06	TO: BK16 - GTC1 - MRM	CREW: HUNG - KHOAN - MUÂN	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG HỮU THUẬN	BK16	18	1	6		64	CODIEN	Vietnamese
2	TRẦN ĐÌNH ĐIẾP	BK16	19-20	2	15	20	76	CODIEN	Vietnamese
3	SALIKHOVA	MRM	95	1	8		90	KHOAN	Russian
4	KIMAKOVSKII MAKSIM	MRM	78	1	8		85	AMNGR	Russian
5	BASHKIN ALEKSANDR	MRM	85	1	4		98	AMNGR	Russian
6	SHCHETININ IVAN	MRM	83-84	2	14		77	AMNGR	Russian
7	LYMAR OLEG	MRM	80-81	2	8		72	AMNGR	Russian
8	MOROZOV ANDREI	MRM	74	1	13		111	AMNGR	Russian
9	KIMAKOVSKII STANISLAV	MRM	96	1	11		96	AMNGR	Russian
10	TSVETKOV OLEG	MRM	82	1	12		118	AMNGR	Russian
11	IAREMCHENKO TARAS	MRM	77	1	10		90	AMNGR	Russian
12	CHEKALKIN ALEKSANDR	MRM	92-93	2	15		71	AMNGR	Russian
13	AZARENKOV KIRILL	MRM	89	1	11		100	AMNGR	Russian
14	STEPANOV OLEG	MRM	09	1	5		107	AMNGR	Russian
15	BOGOMOLOV DANIIL	MRM	86-87	2	15		83	AMNGR	Russian
16	PIKULSKII TIMUR	MRM	75-76	2	10		124	AMNGR	Russian
17	SAVELEV NIKITA	MRM	79	1	11		92	AMNGR	Russian
18	KONDRATIUK KIRILL	MRM	94	1	17		76	AMNGR	Russian
19	KUZNETSOV VLADIMAK	MRM	90-91	2	18		100	AMNGR	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	2	3	21	140	20	0		
2	GTC1	0	0	0	0	0	2		
3	MRM	17	23	190	1.590	0	20		
TOTAL		19	26	211	1.730	20	22		
WEIGHT KG				211	1.730	20			

GRAND TOAL: 1.961 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/01/2023	TO: TD5 - PPD	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: TUYỀN - VThắng - HIẾU -	ETA: 11:45
CAM-2		Tú	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI MẠNH PHÚC	TD5	71	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
2	PHẠM VĂN TRỌNG	TD5	72-73	2	15		70	KHOAN	Vietnamese
3	ĐINH CHÍ CÔNG	TD5	70	1	15		67	KHOAN	Vietnamese
4	PHAN VĂN TÙNG	PPD	20	1	12		85	KHI	Vietnamese
5	BUI THANH HAI	PPD	23	1	5		70	KHI	Vietnamese
6	PHẠM ĐỨC TUÂN	PPD	22	1	5		70	KHI	Vietnamese
7	ĐINH THÈ QUAN	PPD	17	1	5		70	KHI	Vietnamese
8	VÔ TÁ QUANG	PPD	21	1	6		70	KHI	Vietnamese
9	TRẦN ĐỨC DUY	PPD	15	1	10		65	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC THU	PPD	18	1	8		60	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN VỊNH	PPD	32	1	5		80	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐỨC NGỌC	PPD	16	1	5		70	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU HAO	PPD	25	1	7		78	KHI	Vietnamese
14	ГАЛЛЯМОВ И. М. <i>GA LL I AMOV</i>	PPD	26	1	5		70	KH-THAC	Russian
15	TRỊNH VĂN NHÀ	PPD	28-29	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẶNG VĂN NINH	PPD					65	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI NĂNG PHONG	PPD	27	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI VĂN ĐÀO	PPD	19	1	7		85	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN CAO CUÔNG	PPD					67	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN SƠN	PPD	31	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM LÊ DƯƠNG	PPD	30	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN SINH	PPD	24	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	3	4	35	207	0	0		
2	PPD	19	18	109	1.363	0	22		
TOTAL		22	22	144	1.570	0	22		
WEIGHT KG				144	1.570	0			

GRAND TOAL: 1.714 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/01/2023	TO: CTK3 - TD2	AIRCRAFT: 416	ETD: 12:20
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: ĐỨC - Linh - TDUNG	ETA: 14:10
NAU-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM THANH KHIẾT	CTK3	03	1	5		68	DNV	Vietnamese
2	TRAN NGOC BINH*	CTK3	77	1	5		65	SAN BAY	Vietnamese
3	CU XUAN HUY	CTK3	78	1	12	12	62	HVJOC	Vietnamese
4	LE DUY THANG	CTK3	01-02	2	20		77	MERMAID	Vietnamese
5	LE VAN QUANG	CTK3	05	1	8		73	MERMAID	Vietnamese
6	TRAN VAN THUC	CTK3	82-83	2	13		60	MERMAID	Vietnamese
7	LE TRUONG HAU	CTK3	04	1	10		76	MERMAID	Vietnamese
8	NGUYEN THANH SON	CTK3	80-81	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
9	GONCHAROV SERGEY	TD2	06	1	10		100	KHOAN	Russian
10	VU MANH THANG	TD2	01	1	3		73	KHOAN	Vietnamese
11	LY ANH TUAN	TD2	13	1	6		87	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN HUNG HUNG	TD2	11	1	5		96	KHOAN	Vietnamese
13	DO VAN HUNG	TD2	07	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
14	LE THANH TUNG	TD2	09	1	17		87	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN QUOC DOAN	TD2	08	1	6		55	KHOAN	Vietnamese
16	LE XUAN HAI	TD2	14-15	2	15	6	75	KHOAN	Vietnamese
17	MAI VAN HOANG	TD2	02	1	14		60	KHOAN	Vietnamese
18	CAO VAN LOI	TD2	10	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
19	TRAN HIEP	TD2	12	1	8		75	PSV	Vietnamese
20	SUSTAVOV V.S	TD2	05	1	10		117	D-HANH	Russian
21	TRAN THAI AN	TD2	03-04	2	20		70	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	8	11	83	551	12	7		+1NB CTK3 VE GHE PHU
2	TD2	13	15	124	1.037	6	15		
TOTAL		21	26	207	1.588	18	22		
WEIGHT KG				207	1.588	18			

GRAND TOAL: 1.813 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/01/2023	TO: CTK3 - BK20 - RP3	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: Hạnh - MMinh - PTUẤN	ETA: 14:00
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SMIRNOV	CTK3	20	1	5		95	KH-THAC	Russian
2	NGUYỄN HOANG HÀ	CTK3	14	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TRỌNG HAI	CTK3	33	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ THANH CHUNG	CTK3	32	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐÌNH QUYẾT	CTK3	23	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI KHÁC PHONG	CTK3	35	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TRỌNG KIM	CTK3	25	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
8	HÀ MINH GIANG	CTK3	36	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM ĐỨC KIỂM	CTK3	13	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ MINH ĐỨC	CTK3	30-31	2	18	20	80	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	CTK3	17	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN DÂN	CTK3	06-07	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TRẦN ĐỨC MINH	CTK3	11-12	2	15		80	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN ĐỨC HẠNH	CTK3	34	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI SY LONG	CTK3	21-22	2	18		70	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM THANH QUANG	CTK3	28	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN MINH TUẤN	CTK3	29	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM QUANG THAI	CTK3	24	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM QUỐC CUÔNG	CTK3	15-16	2	17		65	KH-THAC	Vietnamese
20	TRƯƠNG VĂN HAI	CTK3	26-27	2	13		70	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐẶNG THIỆU THANH	CTK3	08-09	2	18		80	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐẶNG VĂN THANH	CTK3	18-19	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	22	30	204	1.605	20	13		
2	BK20	0	0	0	0	0	2		
3	RP3	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		22	30	204	1.605	20	22		
WEIGHT KG				204	1.605	20			

GRAND TOAL: 1.829 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/01/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:15
FLIGHT: 10	TO: P4 - AMD - HSD	CREW: CHIẾN - Dương - Vũ	ETA: 14:05
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG	P4	67	1	3		60	KHI	Vietnamese
2	TA VĂN QUYNH	P4					74	KHI	Vietnamese
3	HOÀNG ĐỨC LÂM ANH	P4	68	1	5		78	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN CHIẾN CÔNG	P4	66	1	5		68	KHI	Vietnamese
5	ĐOÀN VĂN TRỰC	P4	64	1	8		68	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH TUÂN	P4	72-73	2	13		73	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN QUỐC THỊNH	P4	70-71	2	10		55	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN VĂN ĐẠT	P4	69	1	18	10	64	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐỖ QUANG KHAI	P4	65	1	12		86	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐĂNG NGUYỄN	P4	74	1	3		80	PSV	Vietnamese
11	TRẦN CAO TẠNG	AMD	43	1	6		75	PSV	Vietnamese
12	THAN CANH THỊNH	AMD	44-45	2	15		72	TLJOC	Vietnamese
13	STANLEY FUREY	AMD	41-42	2	16		108	BAB	British
14	NGÔ SỸ KHÔI	AMD	46	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM VĂN LÂM	AMD	35	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ANH KHOA	AMD	38-40	3	12		64	KH-THAC	Vietnamese
17	HOÀNG TRUNG KIẾN	AMD	33-34	2	10		66	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ TRI TRUNG	AMD	36-37	2	14		72	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐỖ THẾ THANH	HSD	83	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
20	CHU ĐỨC CHÍ	HSD	09	1	11		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	10	11	77	706	10	12		
2	AMD	8	14	88	602	0	6		
3	HSD	2	2	16	144	0	4		
TOTAL		20	27	181	1.452	10	22		
WEIGHT KG				181	1.452	10			

GRAND TOAL: 1.643 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/01/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 614	ETD: 11:30
FLIGHT: 11	TO: TGTH4 - AMD - TGTH1	CREW: NKhánh - TRƯỜNG	ETA: 13:30
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN NAM	TGTH4	45-47	3	15		85	CODIEN	Vietnamese
2	NGO SY DUC	TGTH4	51-53	3	23		92	HLJOC	Vietnamese
3	NGUYỄN HOÀNG LONG	TGTH4	48-50	3	15		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGO BA THANH	AMD	21	1	10	40	65	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ VĂN TRƯỜNG	AMD	27-28	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ THANH TÂN	AMD	22	1	10		61	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐÌNH KHANH	AMD	29	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN HỮU ĐẶNG	AMD	23	1	8		86	KH-THAC	Vietnamese
9	PHI DUY HOÀN	AMD	32	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TRÍ PHƯỚC	AMD	26	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	AMD	24-25	2	10		81	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN KHẮC TOÀN	TGTH1	87	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN MẠNH HÀ	TGTH1	90-91	2	15		55	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TRUNG	TGTH1	89	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN ĐỨC CƯỜNG	TGTH1	88	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH4	3	9	53	247	0	2	2	CHUYEN 2 PAX TGTH4-AMD
2	AMD	8	10	70	556	40	9		
3	TGTH1	4	5	37	270	0	8		
TOTAL		15	24	160	1.073	40	19		
WEIGHT KG				160	1.073	40			

GRAND TOAL: 1.273 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/01/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 14:30
FLIGHT: 12	TO: MRM - BK9 - P8	CREW: Hạnh - MMinh - PTUẤN	ETA: 16:20
XANH-4			

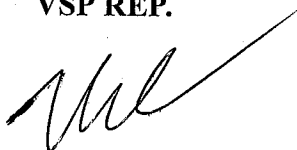
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	RODNIKOV STANISLAV	MRM	39	1	7		68	AMNGR	Russian
2	HA KHUÔNG DUY	MRM	43-44	2	14		59	KHOAN	Vietnamese
3	LUU ĐÌNH MINH	MRM	38	1	14	8	73	KHOAN	Vietnamese
4	TRƯỜNG MINH KHANH	MRM	40	1	13		71	DVL	Vietnamese
5	NGO THANH SƠN	MRM	41-42	2	18		75	DVL	Vietnamese
6	LUƠNG NGỌC HOANG	MRM	35	1	7		74	DVL	Vietnamese
7	NGUYEN XUAN ANH	MRM	36-37	2	17		78	PSV	Vietnamese
8	LÊ VĂN NGHI	BK9	70	1	11	80	64	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ VĂN TIỆP	BK9	71-72	2	13		75	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG NGOC TUNG	BK9	68-69	2	5		63	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN HUU HOANG ANH	BK9	65-66	2	13		103	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN SON TUNG	BK9					58	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN TUAN	BK9	64	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ VĂN THỊNH	BK9	67	1	7		67	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN ĐUNG	P8	35	1	13	38	58	DVL	Vietnamese
16	NGUYEN NAM HAI	P8	36	1	7		74	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	7	10	90	498	8	7		
2	BK9	7	9	54	500	80	8		
3	P8	2	2	20	132	38	7		
TOTAL		16	21	164	1.130	126	22		
WEIGHT KG				164	1.130	126			

GRAND TOAL: 1.420 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 11/01/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 14:40
FLIGHT: 13	TO: CTK3 - BK14	CREW: ĐỨC - Linh - TDUNG	ETA: 16:30
TIM - 4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LƯƠNG TUÂN ANH	CTK3	66	1	8		82	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN HỮU BAO	CTK3	76	1	17		91	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TRƯỜNG AN	CTK3	72-73	2	20		77	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÌNH THIÊN TÙNG	CTK3	74-75	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
5	TRỊNH VIỆT THẮNG	CTK3	67	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN ĐAN QUÊ	CTK3					79	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN ĐOAN	CTK3	37	1	5		48	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐOÀN NGỌC THƯƠNG	CTK3	68-69	2	10		77	KH-THAC	Vietnamese
9	VÕ NGỌC CHÍNH	CTK3	70-71	2	20		85	KH-THAC	Vietnamese
10	ROGINSKIY DMITRY	CTK3	65	1	12		95	ANTOAN	Russian
11	PHAN TIÊN CƯỜNG	BK14	31	1	4	40	59	PSV	Vietnamese
12	LÊ VĂN TOÀN	BK14	36	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN ANH ĐỨC	BK14	34-35	2	8		68	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ ĐÌNH HUY	BK14	33	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ VĂN BÌNH	BK14	32	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC XUÂN	BK14	37-38	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	10	13	114	780	0	15	4	CHUYEN 1 PAX CTK3-BK14
2	BK14	6	8	42	387	40	7		
TOTAL		16	21	156	1.167	40	22		
WEIGHT KG				156	1.167	40			

GRAND TOAL: 1.363 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 11/01/2023	TO: PPD	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:35
FLIGHT: 14	FROM: VT	CREW: CHIẾN - Dương - Vũ	ETA: 16:25
HONG-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN THANH TRI	PPD	401	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN ĐĂNG QUANG	PPD	10-11	2	12		59	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VIỆT TIEN	PPD	99,00	2	14		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN CHUNG	PPD	71-72	2	9		72	KH-THAC	Vietnamese
5	BIỆN MINH SƠN	PPD	18	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
6	HỒ TRƯỜNG KIẾN	PPD	07-08	2	13		93	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN TIEN ĐẠT	PPD	04	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM HỒNG THAI	PPD	19	1	5		65	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG ĐẠI NGHĨA	PPD	13	1	5		78	KHI	Vietnamese
10	ĐOÀN DUY HUNG	PPD	16-17	2	11		89	KHI	Vietnamese
11	TRẦN SƠN HAI	PPD	15	1	5		75	KHI	Vietnamese
12	HOANG HUY TIEN	PPD	14	1	4		55	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN HUYNH	PPD	12	1	7		52	KHI	Vietnamese
14	LÊ MINH PHỤNG	PPD	09	1	5		81	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN QUANG TUYẾN	PPD	05-06	2	9		78	T-TIN	Vietnamese
16	ĐÀO HỮU DUNG	PPD	02-03	2	13		55	T-TIN	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC LƯU	PPD	01	1	4		73	PSV	Vietnamese
18	BUI THANH TUNG	PPD	70	1	6		66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	18	25	137	1.296	0	22		
TOTAL		18	25	137	1.296	0	22		
WEIGHT KG				137	1.296	0			

GRAND TOAL: 1.433 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN